

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TỘI PHẠM HỌC HIỆN THỰC - TIẾP CẬN ĐA NGÀNH, LIÊN NGÀNH VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

HOÀNG ANH TUYÊN*

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, tội phạm học hiện thực đang có xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình nghiên cứu đơn ngành sang tiếp cận đa ngành và liên ngành. Bài viết phân tích những xu hướng phát triển chủ yếu của tội phạm học hiện đại, tập trung vào việc tích hợp tri thức từ các lĩnh vực như xã hội học, tâm lý học, kinh tế học, chính trị học và khoa học công nghệ nhằm giải thích toàn diện các nguyên nhân và cơ chế của hành vi phạm tội. Đồng thời, nghiên cứu làm rõ vai trò ngày càng quan trọng của các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và học máy trong việc dự báo, phát hiện và phòng ngừa tội phạm, đặc biệt trong bối cảnh gia tăng của tội phạm mạng và tội phạm kinh tế. Trên cơ sở phân tích lý luận và tổng hợp các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, bài viết khẳng định rằng việc phát triển tội phạm học theo hướng tích hợp và ứng dụng công nghệ là xu thế tất yếu, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Tội phạm học hiện thực; trí tuệ nhân tạo; dữ liệu lớn; dự báo tội phạm; tội phạm mạng; chính sách phòng chống tội phạm

Ngày nhận bài: 05/8/2025; Biên tập xong: 25/01/2026; Duyệt đăng: 20/02/2026

DEVELOPMENT TRENDS OF APPLIED CRIMINOLOGY: MULTIDISCIPLINARY, INTERDISCIPLINARY AND INFORMATION TECHNOLOGY-BASED APPROACHES

Abstract: Amid globalization and rapid digital transformation, applied criminology is increasingly shifting from a single-discipline framework to multidisciplinary and interdisciplinary approaches. This article analyzes major development trends in contemporary criminology, emphasizing the integration of knowledge from sociology, psychology, economics, political science, and technological sciences to provide a comprehensive explanation of the causes and mechanisms of criminal behavior. The study also highlights the growing role of emerging technologies, including artificial intelligence, big data, and machine learning, in crime prediction, detection, and prevention, particularly in response to the rise of cybercrime and economic crime in the digital era. Based on theoretical analysis and a synthesis of domestic and international research, the article concludes that the integration of interdisciplinary knowledge and advanced technologies represents an inevitable direction for the development of applied criminology, contributing to more effective crime prevention policies and law enforcement practices in modern society.

Keyword: Applied criminology; artificial intelligence; big data; crime prediction; cybercrime; crime prevention policy

Received: Aug 05, 2025; Editing completed: Jan 25, 2026; Accepted for publication: Feb 20, 2026

Đặt vấn đề

Tội phạm học hiện thực (hay tội phạm học thực tế) là lĩnh vực nghiên cứu tội phạm trong xã hội từ góc nhìn thực tiễn và đưa vào ứng dụng dựa trên những dữ liệu thực tế và các phương pháp nghiên cứu khoa học. Xu hướng phát triển của tội phạm học hiện thực trong những năm gần đây có sự chuyển biến mạnh mẽ, phản ánh sự thay đổi của xã hội và các vấn đề phức tạp và đa chiều mà tội phạm học đang đối mặt. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển không ngừng của công

nghệ cùng các các yếu tố như nghèo đói, bất bình đẳng xã hội, sự thay đổi trong cấu trúc gia đình và cộng đồng đều là nguyên nhân hình thành và gia tăng tội phạm. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về các giải pháp phòng, chống tội phạm hiệu quả. Trước yêu cầu này, tội phạm học hiện thực trong thời đại số phát triển theo hướng đa ngành, liên ngành và ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng rõ nét, với sự kết hợp của nhiều lĩnh vực như luật

* Email: Hoanganhtuyen04@gmail.com

Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát

học, xã hội học, tâm lý học, kinh tế học, khoa học và công nghệ, nhằm cung cấp cách tiếp cận toàn diện và thực tiễn hơn trong nghiên cứu và ứng dụng.

1. Tiếp cận đa ngành

Việc nghiên cứu tội phạm học không chỉ dựa vào một ngành duy nhất mà phải sử dụng kiến thức và phương pháp từ nhiều ngành khác nhau như luật học, xã hội học, tâm lý học, kinh tế học, khoa học và công nghệ. Mỗi ngành có một góc nhìn riêng biệt nhưng khi kết hợp lại đã tạo ra một cái nhìn toàn diện hơn về các yếu tố tác động đến hành vi phạm tội. Điều này giúp khám phá các khía cạnh khác nhau của tội phạm và hiểu rõ hơn về các yếu tố tác động đến hành vi phạm tội. Cụ thể là sự kết hợp giữa *xã hội học*, *tâm lý học*, *kinh tế học*, *chính trị học* và *công nghệ* trong tội phạm học hiện đại tạo ra một mô hình nghiên cứu *đa chiều và toàn diện*, giúp hiểu rõ hơn các nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, giúp giải quyết các vấn đề tội phạm trong xã hội một cách toàn diện và hiệu quả. Mỗi lĩnh vực đóng góp một phần quan trọng trong việc nghiên cứu các yếu tố cá nhân, cộng đồng, kinh tế, chính trị, xã hội và công nghệ, từ đó xây dựng các chiến lược phòng ngừa tội phạm hiệu quả và giúp phát triển các chiến lược phòng ngừa và giải quyết hiệu quả các vấn đề tội phạm trong xã hội hiện đại.

Xã hội học và Tội phạm học

Xã hội học tập trung vào các yếu tố xã hội như môi trường gia đình, cộng đồng, giáo dục và các điều kiện kinh tế và văn hóa ảnh hưởng đến hành vi phạm tội. Khi kết hợp với tội phạm học, xã hội học giúp giải thích các nguyên nhân xã hội dẫn đến hành vi phạm tội. Ví dụ, các nghiên cứu về bất bình đẳng xã hội, phân hóa giai cấp và sự thiếu thốn cơ hội đã chỉ ra rằng những người sống trong điều kiện khó khăn, thiếu cơ hội kinh tế, giáo dục và xã hội có xu hướng dễ rơi vào hành vi phạm pháp luật. Xã hội học cũng cung cấp các lý thuyết giải thích vì sao tội phạm xảy ra trong xã hội. Chẳng hạn như *Lý thuyết rối loạn tổ chức xã hội* chỉ ra rằng khi các giá trị xã hội bị suy giảm, như mất lòng tin vào chính

quyền hoặc sự thiếu hụt của các thiết chế xã hội thì hành vi phạm tội có thể gia tăng.

Các nghiên cứu xã hội học cũng chỉ ra rằng sự suy yếu của các mối quan hệ xã hội như gia đình, cộng đồng và bạn bè, làm tăng nguy cơ phạm tội. Khi các cá nhân không nhận được sự hỗ trợ từ xã hội, họ cảm thấy bị bỏ rơi và dễ thực hiện hành vi phạm tội như một phương thức phản ứng lại với hoàn cảnh.

Một trong những nghiên cứu đáng chú ý trong xã hội học là lý thuyết Anomie của Emile Durkheim (1858 - 1917) - nhà xã hội học, nhân loại học người Pháp. Trong công trình "Sự phân công lao động trong xã hội", ông cho rằng sự thay đổi xã hội nhanh chóng đưa tới sự gia tăng về phân công lao động và như vậy sẽ tạo ra trạng thái hỗn độn, thiếu sự quan tâm giữa con người với nhau, dẫn đến tình trạng thiếu hụt chuẩn mực và giá trị cuộc sống cũng như phá vỡ các chuẩn mực xã hội điều chỉnh hành vi của con người. Ông gọi trạng thái này là "tình trạng vô tổ chức" (Anomie). Từ trạng thái vô tổ chức sẽ phát sinh các hành vi lệch lạc trong xã hội, như tội phạm, hành vi tự tử. Hay nói cách khác, tình trạng vô tổ chức trong xã hội là nguyên nhân phát sinh tội phạm¹. Nghiên cứu của François Bourguignon² chỉ ra rằng sự gia tăng đáng báo động về tội phạm và bạo lực ở Mexico, Rio hoặc Sao Paulo trong khoảng 20 năm trở lại đây thực sự có thể là kết quả của sự phát triển quá nhanh của những "thành phố lớn" này.

Tâm lý học và Tội phạm học

Tâm lý học tập trung vào việc nghiên cứu các yếu tố cá nhân, tâm lý, cảm xúc và hành vi trong bối cảnh tội phạm. Các lý thuyết tâm lý học như lý thuyết nhân cách, tâm lý học phát triển và các rối loạn tâm lý, đã giải thích các yếu tố cá nhân tác động đến hành vi phạm tội. Tâm lý học cũng giúp phát triển các chương trình tái hòa nhập cộng đồng và cải tạo người

¹ Lê, M. T. (2024). Tìm hiểu các thuyết xã hội học trong lĩnh vực tội phạm học?. *Luật Minh Khuê*. <https://luatminhkhue.vn/tim-hieu-cac-thuyet-xa-hoi-hoc-trong-linh-vuc-toi-pham-hoc.aspx?utm>.

² Bourguignon, F. (2009). Crime as a social cost of poverty and inequality: A review focusing on developing countries. *Revista Desarrollo y Sociedad*, (63), Universidad de los Andes, Facultad de Economía, CEDE. <https://ideas.repec.org/a/col/000090/005839.html>.

phạm tội với mục tiêu thay đổi hành vi từ góc độ tâm lý.

Lý thuyết nhân cách trong tâm lý học có thể giải thích tại sao một số cá nhân có xu hướng phạm tội trong khi những người khác lại không. Những người có tính cách dễ bị kích động, thiếu khả năng kiểm soát cảm xúc, hoặc có các vấn đề tâm lý (chẳng hạn như rối loạn nhân cách chống đối xã hội) có thể có nguy cơ cao tham gia vào các hành vi phạm tội. Các rối loạn tâm lý là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội hoặc rối loạn tâm thần làm cho người mắc phải khó phân biệt giữa hành vi đúng đắn và sai trái, có thể là yếu tố dẫn đến hành vi phạm tội. Tâm lý học giúp phân tích các yếu tố này và xác định các nguy cơ từ sớm, từ đó xây dựng các phương pháp can thiệp để ngăn ngừa hành vi phạm tội. Việc nhận diện và điều trị sớm các rối loạn này có thể giảm thiểu nguy cơ phạm tội trong tương lai³.

Tâm lý học phát triển nghiên cứu quá trình hình thành hành vi phạm tội trong suốt quá trình phát triển của cá nhân, từ khi còn nhỏ đến khi trưởng thành. Những người trải qua các vấn đề gia đình, bạo lực hay thiếu sự giáo dục có thể gia tăng hành vi phạm tội trong suốt cuộc đời⁴.

Nghiên cứu của Robert D. Hare (1999)⁵ cho thấy một mối quan hệ rõ ràng giữa các rối loạn tâm lý như rối loạn nhân cách và hành vi phạm tội. Những người mắc rối loạn nhân cách có xu hướng thiếu nhạy cảm với nỗi đau của người khác, dễ bị kích động và có động lực để hành động dựa trên lợi ích cá nhân mà không quan tâm đến hậu quả.

Kinh tế học và Tội phạm học

Kinh tế học trong tội phạm học nghiên cứu mối quan hệ giữa các yếu tố kinh tế và hành vi phạm tội. Tội phạm học hiện đại sử

dụng các lý thuyết kinh tế để giải thích rằng các điều kiện nghèo đói, thất nghiệp, thiếu cơ hội kinh tế có thể dẫn đến hành vi phạm tội, chẳng hạn như:

Lý thuyết lựa chọn hợp lý của kinh tế học được áp dụng trong tội phạm học để giải thích hành vi phạm tội như một sự lựa chọn có tính toán giữa chi phí và lợi ích. Khi một cá nhân cảm thấy rằng lợi ích từ việc phạm tội lớn hơn chi phí (ví dụ như bị phát hiện và bị kết án), họ có thể quyết định thực hiện hành vi phạm pháp. Gary S. Becker⁶ áp dụng *lý thuyết lựa chọn hợp lý* vào phân tích hành vi phạm tội, cho rằng cá nhân có thể lựa chọn phạm tội dựa trên sự tính toán giữa lợi ích và chi phí của hành vi đó. Lý thuyết của Becker đã mở ra một trường phái nghiên cứu trong tội phạm học, coi hành vi phạm tội là một lựa chọn có tính toán, tương tự như các quyết định kinh tế khác.

Lý thuyết chi phí và lợi ích giúp nghiên cứu cách thức mà các cá nhân và nhóm xã hội đánh giá rủi ro khi tham gia vào hành vi phạm tội. Các yếu tố như thất nghiệp, thiếu cơ hội kinh tế, và chênh lệch thu nhập có thể làm tăng khả năng một người lựa chọn phạm tội để đạt được lợi ích nhanh chóng⁷. Fajnzylber, P., Lederman, D., & Loayza, N.⁸ phân tích mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tội phạm bạo lực đã chỉ ra rằng các quốc gia có bất bình đẳng cao sẽ có tỷ lệ tội phạm bạo lực cao. Yếu tố quyết định chính ảnh hưởng đáng kể tỷ lệ tội phạm bao gồm tăng trưởng GDP bình quân đầu người, tỷ lệ dân số đô thị; tỷ lệ lực lượng lao động; tỷ lệ chi tiêu an ninh - quốc phòng từ chính quyền trung ương⁹.

Kinh tế học cũng giúp phát triển các chính sách phòng ngừa tội phạm như cải thiện sự

³ Sinha, S. (2016). Personality correlates of criminals: A comparative study between normal controls and criminals. *Industrial Psychiatry Journal*, 25(1), 41–46. <https://doi.org/10.4103/0972-6748.196058>.

⁴ Klinteberg, B. A., Almquist, Y., Beijer, U., & Rydelius, P. A. (2011). Family psychosocial characteristics influencing criminal behaviour and mortality - Possible mediating factors: A longitudinal study of male and female subjects in the Stockholm Birth Cohort. *BMC Public Health*, 11, 756. <https://doi.org/10.1186/1471-2458-11-756>.

⁵ Hare, R. D. (1999). *Without Conscience: The Disturbing World of the Psychopaths Among Us*. The Guilford Press.

⁶ Becker, G. S. (1968). *Crime and Punishment: An Economic Approach*. *Journal of Political Economy*, 76(2), 169–217.

⁷ Newburn, T. (2016). *Social disadvantage, crime and punishment*. London School of Economics and Political Science (LSE). https://eprints.lse.ac.uk/68133/1/Newburn_Social%20Disadvantage%20and%20Crime.pdf.

⁸ Fajnzylber, P., Lederman, D., & Loayza, N. (2002). Inequality and violent crime. *Journal of Law and Economics*, 45(1), 1–39. <https://doi.org/10.1086/338347>.

⁹ Nguyễn, D. M., Các yếu tố kinh tế - xã hội tác động tới tỷ lệ tội phạm: Một cách tiếp cận so sánh, https://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208703&tutm_source.

công bằng trong phân phối tài nguyên, hỗ trợ người nghèo và tăng cường các chương trình đào tạo nghề để giảm thiểu các động lực kinh tế dẫn đến tội phạm. Michael J. Lynch¹⁰ đã phân tích mối quan hệ giữa kinh tế chính trị và tội phạm, làm rõ mối quan hệ giữa suy thoái kinh tế và tội phạm. Các nghiên cứu hiện đại tiếp tục chứng minh mối quan hệ giữa nghèo đói, thất nghiệp với các hành vi phạm tội. Lý thuyết này cũng giúp phân tích tội phạm của các tập đoàn và nhà nước (State-Corporate Crime). Tác giả đề nghị các nhà nghiên cứu tiếp tục sử dụng cách tiếp cận này để phân tích tội phạm trong bối cảnh hiện đại.

Chính trị học và tội phạm học

Chính trị học giúp tội phạm học hiểu về tác động của các hệ thống chính trị và pháp lý đối với tội phạm và công tác phòng ngừa. Các nghiên cứu chính trị học trong tội phạm học có thể bao gồm:

Ảnh hưởng của thể chế pháp lý: Cách thức mà các hệ thống pháp lý, công lý và thể chế quản lý nhà nước có thể thúc đẩy hoặc ngăn chặn tội phạm. Nếu một xã hội có hệ thống pháp lý yếu, dễ dẫn đến tham nhũng hoặc thiếu minh bạch thì sẽ tạo điều kiện cho các hành vi phạm tội.

Tội phạm chính trị: Các hành vi phạm tội liên quan đến chính trị như tham nhũng, tội phạm liên quan đến nhà nước hoặc các cuộc xung đột xã hội và chiến tranh.

Sự phân chia quyền lực: Phân tích mối quan hệ giữa quyền lực trong xã hội và hành vi phạm tội. Khi quyền lực bị phân chia không đồng đều hoặc bị thao túng, tội phạm có thể trở nên phổ biến.

Một nghiên cứu của World Justice Project¹¹ chỉ ra rằng các quốc gia có điểm số thấp về pháp quyền và chính phủ minh bạch như Nigeria và Venezuela có tỷ lệ tội phạm rất cao.

2. Tiếp cận liên ngành và ứng dụng công nghệ thông tin

Tiếp cận liên ngành là sự tích hợp giữa các ngành để hình thành hiểu biết mới và tạo ra

sự liên kết chặt chẽ giữa chúng. Nghiên cứu liên ngành đi xa hơn nghiên cứu đa ngành khi không chỉ sử dụng kiến thức từ nhiều ngành mà còn tích hợp các phương pháp và lý thuyết của từng ngành để tạo ra một cách tiếp cận chuyên sâu hơn; tìm kiếm các mối liên kết và kết nối giữa chúng để giải quyết vấn đề từ nhiều góc độ. Chẳng hạn như:

Liên ngành xã hội học và kinh tế học nghiên cứu mối quan hệ giữa bất bình đẳng xã hội và tội phạm: Các cộng đồng nghèo khó có thể bị gạt ra ngoài các cơ hội kinh tế, dẫn đến việc tìm kiếm cách thức phạm pháp để tồn tại.

Liên ngành giữa kinh tế học và chính trị học nghiên cứu, phân tích sự ảnh hưởng của tình trạng thất nghiệp và chính sách chính trị không ổn định đối với sự gia tăng tội phạm chính trị hoặc tội phạm có tổ chức.

Liên ngành giữa chính trị học và tâm lý học nghiên cứu, làm rõ tại sao các cá nhân có thể thực hiện tội phạm chính trị hoặc hành động trong bối cảnh chính trị không ổn định, nơi sự bất công hoặc tham nhũng khiến họ cảm thấy không có lựa chọn hợp pháp.

Việc hệ thống hóa các phương pháp khoa học của Dr. Yanishevskaya, K., Kosiachenko, K., Kamyshanskyi, O., Neviadovskyi, V., Telizhenko, L.¹² nhằm xác định bản chất của tội phạm, thông qua cách tiếp cận liên ngành kết hợp các yếu tố sinh học, xã hội học và tâm lý học. Các nhà khoa học đề xuất một lý thuyết tội phạm mang tính chất “symbiotic” (cộng sinh), trong đó ba yếu tố chính tác động đến hành vi phạm tội: **Yếu tố sinh học (nhân chủng học):** Di truyền, hệ thần kinh, nội tiết tố và các yếu tố di truyền ảnh hưởng đến hành vi. **Yếu tố xã hội học:** Ảnh hưởng từ môi trường, điều kiện kinh tế, văn hóa, và sự tương tác xã hội. **Yếu tố tâm lý:** Tâm lý cá nhân, cơ chế nhận thức và điều chỉnh cảm xúc. Cụ thể bài viết nhấn mạnh vào các lĩnh vực tội phạm học thần kinh (neurocriminology) và di truyền học hành vi (behavioral epigenetics) để khám phá mối liên hệ giữa sinh học và tội

¹⁰ Lynch, M. J. (2013). *Political economy and crime: An overview*. Journal of Crime and Justice, 36(2), 111-124. <https://doi.org/10.1080/0735648X.2012.752250>.

¹¹ https://worldjusticeproject.org/our-work/publications/rule-law-index-reports/wjp-rule-law-index-2020?utm_source.

¹² Yanishevskaya, K., Kosiachenko, K., Kamyshanskyi, O., Neviadovskyi, V., & Telizhenko, L. (2023). *Transdisciplinary Theory of the Nature of Crime as an Expression of a Symbiotic Complex Approach*, Amazonia Investiga, 12(66), 188-197. <https://doi.org/10.34069/AI/2023.66.06.18>.

phạm. Kết quả cho thấy: *Lý thuyết “Symbiotic Complex Approach”*: Tội phạm không thể chỉ được giải thích bởi một yếu tố đơn lẻ mà là sự kết hợp của các yếu tố sinh học, xã hội và tâm lý. *Ứng dụng khoa học thần kinh và di truyền học*: Phân tích các chất dẫn truyền thần kinh, gen MAOA-L (liên quan đến hành vi bạo lực) và tác động của nội tiết tố như testosterone và oxytocin đối với hành vi chống đối xã hội. *Yếu tố môi trường và xã hội*: Các điều kiện kinh tế, văn hóa, giáo dục, gia đình và ảnh hưởng của các nhóm tội phạm có tổ chức đóng vai trò lớn trong việc hình thành hành vi phạm tội. Nghiên cứu này đề xuất cách tiếp cận tội phạm học liên ngành và cộng sinh, kết hợp cả yếu tố sinh học, xã hội học và tâm lý học. Lý thuyết này có thể được áp dụng để nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm đang thay đổi theo xu hướng toàn cầu.

Bên cạnh tiếp cận đa ngành, tội phạm học còn tiếp cận nghiên cứu xuyên ngành, hướng nghiên cứu này đã vượt ra ngoài ranh giới các ngành khoa học truyền thống và tạo ra một sự kết hợp tích hợp sâu sắc và không có sự phân biệt giữa các ngành. Đây là sự kết hợp không chỉ giữa các ngành mà còn giữa các chuyên gia từ các lĩnh vực khác nhau với mục tiêu tạo ra những giải pháp hoặc phát triển các lý thuyết mới có thể ứng dụng vào thực tế xã hội. Ví dụ: Trí tuệ nhân tạo (AI) và luật pháp. Phát triển các giải pháp đột phá, đáp ứng được nhu cầu của xã hội hiện đại. Nghiên cứu xuyên ngành không chỉ giúp hiểu được các nguyên nhân đa chiều của tội phạm mà còn tìm kiếm các giải pháp thực tế để giải quyết vấn đề, từ đó can thiệp vào các hành vi phạm tội một cách hiệu quả và bền vững. Sự kết hợp giữa công nghệ và các ngành khoa học xã hội, chẳng hạn như phân tích dữ liệu lớn (big data), học máy (machine learning), có thể tạo ra các công cụ mạnh mẽ giúp dự đoán xu hướng phạm tội, phát hiện sớm các hành vi phạm tội và phát triển các chính sách phòng ngừa có cơ sở khoa học. Tội phạm học xuyên ngành trong tương lai sẽ tiếp tục phát triển nhờ vào sự kết hợp ngày càng sâu sắc giữa công nghệ và các lý thuyết xã hội. Các

nghiên cứu sẽ tập trung vào phân tích hành vi cá nhân mà còn vào các yếu tố tác động từ môi trường xã hội, chính trị và kinh tế, đồng thời tích hợp các công nghệ tiên tiến như AI, dữ liệu lớn và học máy để nâng cao khả năng phòng ngừa và chống tội phạm. Công nghệ sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc xây dựng các hệ thống dự báo tội phạm chính xác hơn, giúp các cơ quan chức năng nhận diện và ngăn chặn tội phạm từ những dấu hiệu ban đầu, giúp xây dựng những lý thuyết tội phạm học dựa trên dữ liệu thực tế và phân tích khoa học. Các công trình nghiên cứu xuyên ngành đơn thuần là kết hợp các lĩnh vực, cũng như tích hợp các phương pháp, kỹ thuật mới và các lý thuyết từ tâm lý học, xã hội học, kinh tế học, chính trị học cùng với công nghệ tiên tiến như học máy, dữ liệu lớn (Big Data), và trí tuệ nhân tạo (AI). Các mô hình dự báo này giúp các cơ quan chức năng phát hiện tội phạm cũng như dự đoán những xu hướng tội phạm trong tương lai, đây là công cụ quan trọng trong công tác phòng ngừa và điều tra tội phạm có hiệu quả.

Durgeshwary Kolhe, Arshad Bhat¹³ nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp nhiều lĩnh vực như khoa học xã hội, tâm lý học, công nghệ và luật pháp để phân tích và đưa ra các đề xuất về chính sách và công nghệ để phòng chống gian lận tài chính trong thời đại số.

Ảnh hưởng của mạng xã hội đến tội phạm kinh tế: Tội phạm kinh tế như gian lận tài chính, tội phạm mạng và lừa đảo cổ cồn trắng không chỉ là hành vi cá nhân mà còn được tạo điều kiện bởi các mạng xã hội. Các liên kết xã hội chặt chẽ có thể tạo ra lòng tin nhưng cũng có thể bị lợi dụng để thực hiện các hành vi phạm pháp như thông đồng và lừa đảo. Các vụ án như Enron hay Bernie Madoff đã minh họa cách mà các tội phạm tài chính dựa vào mạng lưới quan hệ để thao túng thị trường và che giấu sai phạm¹⁴.

¹³ Kolhe, D., & Bhat, A. (2024), Crime and Fraud at the Community Level: Social Networking Understanding into Economic Crimes and Psychological Motivations. *Journal of Social Sciences and Economics*, 3(2), 127-146.

¹⁴ Vụ Enron: Enron, từng là một trong những công ty năng lượng hàng đầu Hoa Kỳ, đã sụp đổ vào năm 2001 do các hành vi gian lận kế toán tinh vi. Ban lãnh đạo Enron đã tạo ra các công ty vỏ bọc và sử dụng mối quan

Yếu tố tâm lý trong tội phạm kinh tế:

Động cơ phạm tội bao gồm lòng tham, áp lực tài chính và cơ hội phạm tội. Các khuynh hướng tâm lý như sự tự tin quá mức, thiên vị xác nhận hoặc hiệu ứng trạng thái cũ (status quo bias) có thể khiến cá nhân biện minh cho hành vi gian lận. Các đặc điểm tính cách như chủ nghĩa vị kỷ, tâm lý học Machiavellian và tâm lý học tội phạm có liên hệ mật thiết đến tội phạm tài chính.

Công nghệ và tội phạm tài chính: Công nghệ vừa là công cụ hỗ trợ, vừa là biện pháp phòng chống tội phạm kinh tế. Các tội phạm mạng như rửa tiền, lừa đảo qua mạng và đánh cắp danh tính gia tăng nhờ vào tính ẩn danh và tốc độ lan truyền của thông tin trên các nền tảng kỹ thuật số. Công nghệ như trí tuệ nhân tạo và blockchain có thể giúp phát hiện các hành vi gian lận nhưng cũng bị lạm dụng để thực hiện tội phạm.

Chiến lược phát hiện và phòng chống tội phạm kinh tế: Phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và học máy giúp phát hiện gian lận trong giao dịch tài chính và quản lý rủi ro. Phối hợp giữa các cơ quan thực thi pháp luật, tổ chức tài chính và các cơ quan quốc tế là cần thiết để đối phó với tội phạm kinh tế xuyên biên giới. Nâng cao nhận thức cộng đồng và siết chặt quy định giám sát tài chính là một phần quan trọng trong phòng chống tội phạm

hệ với các đối tác kinh doanh để che giấu nợ nần và thổi phồng lợi nhuận. Mạng lưới quan hệ này cho phép Enron duy trì hình ảnh tài chính lành mạnh, đánh lừa các nhà đầu tư và cơ quan quản lý trong một thời gian dài. Sự sụp đổ của Enron đã dẫn đến việc mất hàng tỷ đô la và làm lung lay niềm tin của công chúng vào thị trường tài chính.

Vụ Bernie Madoff: Bernie Madoff điều hành một trong những vụ lừa đảo Ponzi lớn nhất lịch sử, lừa đảo hàng nghìn nhà đầu tư với số tiền ước tính lên đến 65 tỷ USD. Madoff đã sử dụng danh tiếng và mối quan hệ cá nhân để thu hút các nhà đầu tư, hứa hẹn lợi nhuận ổn định và cao. Ông ta tạo dựng lòng tin thông qua các kết nối xã hội và chuyên nghiệp, khiến nhiều người tin tưởng và đầu tư vào quỹ của mình. Mạng lưới quan hệ này giúp Madoff che giấu hành vi lừa đảo trong nhiều thập kỷ trước khi bị phát hiện vào năm 2008.

Kết luận: Cả hai vụ án trên cho thấy tầm quan trọng của mạng lưới quan hệ xã hội trong việc thực hiện và che giấu các hành vi tội phạm tài chính. Việc hiểu rõ cách thức mà các cá nhân và tổ chức lợi dụng các mối quan hệ này có thể giúp phát hiện sớm và ngăn chặn các hành vi gian lận tương tự trong tương lai.

kinh tế. Tóm lại, cần kết hợp nhiều lĩnh vực như khoa học xã hội, tâm lý học, công nghệ và luật pháp để nghiên cứu và phòng, chống tội phạm kinh tế trong thời đại số.

Mô hình tích hợp về động cơ phạm tội mạng (IMCD)¹⁵ giải thích tội phạm mạng bằng cách kết hợp các yếu tố từ nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm tội phạm học, tâm lý học và khoa học máy tính. Mô hình này không chỉ giúp nghiên cứu về tội phạm mạng mà còn cung cấp cơ sở cho chính sách, phòng chống và can thiệp nhằm giảm thiểu nguy cơ phạm tội và nạn nhân hóa trong không gian số.

Nền tảng lý thuyết của IMCD: *Routine Activity Theory (RAT):* Lý thuyết hoạt động thường nhật; *Social Learning Theory (SLT):* Nhấn mạnh vai trò của môi trường xã hội và học tập từ những người khác trong việc định hình hành vi phạm tội. SLT giúp giải thích cách văn hóa mạng ảnh hưởng đến tội phạm mạng; *Lý thuyết về động lực và nhân cách:* Tích hợp các yếu tố như đặc điểm cá nhân (xung động, tìm kiếm cảm giác mạnh, chủ nghĩa vị kỷ) và động cơ phạm tội (tài chính, tình dục, ý thức hệ).

Các thành phần chính của mô hình: *Nhân cách:* Các đặc điểm cá nhân (xung động, tìm kiếm cảm giác mạnh, thiếu đồng cảm...) có liên hệ đến hành vi phạm tội hoặc trở thành nạn nhân trực tuyến; *Động cơ và sự thỏa mãn:* Người phạm tội có thể bị thúc đẩy bởi lợi ích tài chính, sự công nhận từ đồng nghiệp hoặc ý thức hệ. Nạn nhân có thể bị tổn thương do tìm kiếm sự công nhận từ xã hội hoặc tò mò trực tuyến; *Chuẩn mực xã hội:* Một số cộng đồng trực tuyến hợp thức hóa hoặc khuyến khích hành vi phạm tội, ví dụ như các diễn đàn hacker; *Hành vi trực tuyến:* Tính ẩn danh và sự mất kiểm soát trong môi trường mạng có thể thúc đẩy hành vi phạm tội hoặc khiến nạn nhân dễ bị lừa đảo; *Giám sát và bảo vệ:* Các biện pháp phòng ngừa như đặt mật khẩu mạnh, bảo mật thông tin cá nhân, luật pháp và công nghệ bảo vệ, giúp giảm nguy cơ tội phạm mạng; *Tấn công mạng:* Xảy ra khi người

¹⁵ Smith, T. (2024). Integrated model of cybercrime dynamics: A comprehensive framework for understanding offending and victimization in the digital realm. *International Journal of Cybersecurity Intelligence and Cybercrime*, 7(2), 54-70.

phạm tội có động cơ, công cụ, kỹ năng và mục tiêu dễ tổn thương.

Ứng dụng của Công trình: Trong nghiên cứu: Giúp định hướng các nghiên cứu thực nghiệm để kiểm chứng mối quan hệ giữa các yếu tố; trong chính sách và phòng ngừa: Hướng đến giáo dục nhận thức an ninh mạng, luật pháp chặt chẽ hơn và áp dụng công nghệ bảo vệ; trong hỗ trợ nạn nhân: Xác định các yếu tố khiến nạn nhân dễ tổn thương để thiết kế biện pháp bảo vệ hiệu quả hơn; trong quản lý người phạm tội: Phát triển các chương trình can thiệp cho người phạm tội, chẳng hạn như điều chỉnh hành vi hoặc kiểm soát truy cập mạng.

Xác định hành vi phạm tội bằng phân tích mạng xã hội¹⁶ là hành vi con người bị ảnh hưởng bởi các nhu cầu cơ bản (theo tháp nhu cầu của Maslow). Các nền tảng mạng xã hội là nơi phản ánh hành vi con người, bao gồm cả hành vi tiêu cực như bạo lực, thù ghét và lời lẽ lạm dụng. Nghiên cứu nhằm phát triển một mô hình có thể tự động phát hiện hành vi phạm tội dựa trên nội dung được đăng tải trên mạng xã hội. Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu liên quan trước đây đã thử nghiệm nhiều phương pháp như: Nhận diện hành vi tấn công bằng bộ dữ liệu Twitter; sử dụng AI để phát hiện các bài đăng chứa nội dung thù ghét hoặc bạo lực; ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) để phân loại bình luận có hại. Hạn chế của phương pháp này là dữ liệu chưa đầy đủ, độ chính xác còn thấp và mô hình chưa tối ưu cho nhiều loại hành vi khác nhau. Do đó, công trình đề xuất theo hướng dữ liệu thu thập từ Twitter, gồm các bài đăng phân loại theo hành vi hung hăng và không hung hăng với các bước xử lý: *Tiền xử lý dữ liệu:* Loại bỏ từ dừng, dấu câu, ký tự đặc biệt và chuyển văn bản về dạng chuẩn hóa. *Trích xuất đặc trưng:* Sử dụng n-gram (unigram, bigram, trigram), TF-IDF và GloVe để mã hóa văn bản. *Phân loại hành vi:* Áp dụng mô hình học sâu (DNN) với mạng nơ-ron nhiều tầng để nhận diện hành vi phạm tội. Kết quả là,

so với các phương pháp trước đây, mô hình này sử dụng kết hợp nhiều đặc trưng giúp cải thiện đáng kể khả năng phát hiện hành vi phạm tội. Ứng dụng của mô hình này là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật trong việc giám sát và phát hiện hành vi nguy hiểm trên mạng xã hội. Hướng phát triển trong tương lai gồm: Tăng cường dữ liệu, cải thiện thuật toán AI và mở rộng sang các nền tảng khác ngoài Twitter.

Marshall S. Rich and Mary P. Aiken¹⁷ phân tích hành vi trên không gian mạng (Cyber Forensics Behavioral Analysis - CFBA) nhằm cải thiện khả năng dự đoán mối đe dọa trên không gian mạng thông qua sự kết hợp giữa tâm lý học tư pháp trên không gian mạng (forensic cyberpsychology) và giám định kỹ thuật số (digital forensics). *Cơ sở lý thuyết:* Tâm lý học tư pháp trên không gian mạng (Forensic Cyberpsychology): Tập trung vào động cơ và hành vi của tội phạm mạng để dự đoán các cuộc tấn công. Giám định kỹ thuật số (Digital Forensics): Thu thập và phân tích bằng chứng số để xác định nguồn gốc và mô hình tấn công mạng. Mô hình tiên đoán (Predictive Modeling): Áp dụng thuật toán máy học – học máy (Machine Learning) để dự báo các cuộc tấn công mạng dựa trên dữ liệu lịch sử. Cyber Behavioral Analysis Metric (CBAM) và Cyber Behavioral Score (CBS): Các chỉ số định lượng hành vi phạm tội mạng để hỗ trợ đánh giá và dự đoán mối đe dọa. *Kết quả* cho thấy: CFBA cải thiện đáng kể độ chính xác trong dự báo các mối đe dọa mạng so với phương pháp truyền thống. *Ứng dụng trong thực tiễn:* hỗ trợ cơ quan an ninh mạng và thực thi pháp luật trong việc dự đoán và ngăn chặn tội phạm mạng. Cải thiện an ninh mạng bằng cách phân tích rủi ro từ các kết nối Internet. Hỗ trợ giáo dục và đào tạo về nhận diện và phòng chống tội phạm mạng. CFBA là một bước tiến quan trọng trong việc kết hợp tâm lý học tội phạm mạng và phân tích dữ liệu số để nâng cao khả năng dự đoán các

¹⁶ Ashraf, N., Mahmood, D., Obaidat, M. A., Ahmed, G., & Akhuzada, A. (2022). Criminal behavior identification using social media forensics. *Electronics*, 11(19), 3162. <https://doi.org/10.3390/electronics11193162>.

¹⁷ Rich, M. S., & Aiken, M. P. (2024). An interdisciplinary approach to enhancing cyber threat prediction utilizing forensic cyberpsychology and digital forensics. *Forensic Science*, 4(1), 110–151. <https://doi.org/10.3390/forensicsci4010008>.

cuộc tấn công mạng. Nghiên cứu trong tương lai sẽ tập trung vào mở rộng mô hình sang các nền tảng khác, cải tiến thuật toán và nâng cao khả năng phát hiện các mối đe dọa tiềm ẩn.

Tại một nghiên cứu khác của Marshall S. Rich¹⁸, tác giả đã khám phá sự tích hợp của khoa học hành vi mạng, giám định kỹ thuật số và an ninh mạng để giải quyết tình trạng sử dụng không đầy đủ các hiểu biết về hành vi và tâm lý trong các chiến lược an ninh mạng. Nghiên cứu nhấn mạnh nhu cầu về một phương pháp tiếp cận toàn diện và phác thảo sự phát triển của mô hình Phân tích hành vi tư pháp mạng, nhằm mục đích nâng cao độ chính xác và hiệu quả của dự đoán mối đe dọa an ninh mạng, đặc biệt là từ các số hệ thống tự trị cụ thể. Nghiên cứu sử dụng chiến lược phương pháp hỗn hợp, kết hợp các kỹ thuật nghiên cứu định lượng và định tính để tạo ra một khuôn khổ toàn diện kết hợp pháp y kỹ thuật số, an ninh mạng và khoa học hành vi mạng. Tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận liên ngành này chứng minh tiềm năng của nó trong việc cải thiện các cơ chế dự đoán, phòng ngừa và ứng phó với bản chất ngày càng tinh vi và lấy con người làm trung tâm của các mối đe dọa mạng hiện đại. Nghiên cứu gồm ba bài báo, mỗi bài đều góp phần thúc đẩy tâm lý học tư pháp mạng trong an ninh mạng. Bằng cách tổng hợp các phân tích kỹ thuật với khoa học hành vi, nghiên cứu ủng hộ một phương pháp tiếp cận tích hợp, củng cố tính không thể thiếu của việc hiểu được sự phức tạp về mặt tâm lý, hành vi và kỹ thuật của các mối đe dọa mạng. Thành quả của công trình này cung cấp một khuôn khổ phức hợp có vai trò quan trọng trong việc giải quyết những thách thức phức tạp của các mối đe dọa mạng hiện đại, đánh dấu bước tiến đáng kể trong lĩnh vực tâm lý học tư pháp mạng và lĩnh vực an ninh mạng nói chung.

Bài viết của các nhà nghiên cứu từ Đại học Toulouse II Jean Jaurès mô tả diễn ngôn của phe cực hữu trên phương tiện truyền thông kỹ thuật số bằng cách sử dụng phương pháp

tiếp cận liên ngành¹⁹. Nghiên cứu này, một phần của dự án nghiên cứu của Pháp (ANR: Défense) thu thập các bài phát biểu từ các nhóm cực hữu và cố gắng mô tả chúng bằng cách sử dụng xã hội học, khoa học chính trị, ngôn ngữ học, xã hội ngôn ngữ học và truyền thông. Nghiên cứu sử dụng mô hình toán học và thuật toán để tự động tìm kiếm và thiết lập cơ chế cảnh báo cho các nhà sản xuất nội dung kỹ thuật số và nhà cung cấp quyền truy cập và cảnh báo nội dung nguy hiểm. Mục đích là xác định và xác thực các bài phát biểu này, có thể góp phần vào sự lan truyền của chủ nghĩa cực đoan, chủ nghĩa khủng bố, ngôn từ kích động thù địch, bài ngoại, bài Do Thái, chủ nghĩa nam quyền, âm mưu, chủ nghĩa tối cao và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Bài viết đề cập xây dựng cơ sở dữ liệu về diễn ngôn cực hữu để huấn luyện AI phát hiện nội dung nguy hiểm; áp dụng trí tuệ nhân tạo để phân loại nội dung, phát hiện mẫu ngôn ngữ đáng ngờ và theo dõi hoạt động của người dùng cực đoan; và phát triển hệ thống cảnh báo sớm cho các cơ quan chức năng và nhà cung cấp nội dung số.

Các tác giả Ahmed Yunus, Jonathan Loo phân tích các mô hình tội phạm đường phố ở London bằng cách sử dụng các tập dữ liệu mở từ nhiều nguồn khác nhau như sử dụng dữ liệu nguồn mở, như hồ sơ tội phạm của cảnh sát London, dữ liệu mạng xã hội, dữ liệu từ các trạm giao thông công cộng, tỷ lệ thất nghiệp... Phát triển một hệ thống dự đoán tội phạm dựa trên học máy nhằm hỗ trợ cơ quan chức năng triển khai biện pháp ngăn chặn kịp thời. Cụ thể là: *Phương pháp nghiên cứu: Áp dụng quy trình CRISP-DM (CRoss Industry Standard Process for Data Mining), gồm các bước: Xác định bài toán; Thu thập và hiểu dữ liệu; Chuẩn bị dữ liệu; Xây dựng mô hình dự đoán; Đánh giá mô hình; Triển khai hệ thống; Dữ liệu được thu thập từ nhiều nguồn như cảnh sát, các trạm xe buýt, dữ liệu thời tiết, số liệu dân số, dữ*

¹⁸ Rich, M. S. (2024). *Bridging the gap: Case studies for forensic cyberpsychology in cyber threat analysis and prediction*. Capitol Technology University.

¹⁹ Alava, S., Chaouni, N., & Charles, Y. (2020). How to characterise the discourse of the far-right in digital media? Interdisciplinary approach to preventing terrorism. *Procedia Computer Science*, 176, 2515–2525. <https://doi.org/10.1016/j.procs.2020.09.324>.

liệu kiểm tra và khám xét (Stop and Search). *Phân tích dữ liệu tội phạm*: Tội phạm đường phố có xu hướng tăng trong các năm từ 2015 đến 2019, chỉ giảm mạnh trong giai đoạn 2020-2021 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Tội phạm tập trung nhiều tại các khu vực đông dân cư, gần các ga tàu điện ngầm, trạm xe buýt và khu vực có nhiều doanh nghiệp đăng ký hoạt động. Phân loại tội phạm theo danh mục: hành vi chống đối xã hội, trộm cắp, bạo lực, xâm hại tình dục, tàng trữ vũ khí... *Ứng dụng học máy trong dự đoán tội phạm*: Các thuật toán được sử dụng: Hồi quy tuyến tính (Linear Regression), XGB Regression, Hồi quy Logistic (Logistic Regression). Các biến số quan trọng trong mô hình dự đoán bao gồm: vị trí địa lý (kinh độ, vĩ độ), thời gian xảy ra tội phạm, số lượng trạm xe buýt, trạm tàu điện gần đó, tình trạng thời tiết, mật độ dân số, dữ liệu khám xét (Stop and Search). Hệ thống có khả năng dự đoán số lượng tội phạm có thể xảy ra trong một khu vực nhất định trong những ngày tiếp theo. *Ứng dụng thu thập dữ liệu từ cộng đồng*: Phát triển ứng dụng di động giúp người dùng báo cáo mức độ an toàn của các khu vực họ đang ở. Ứng dụng có thể thu thập dữ liệu theo thời gian thực về cảm nhận an toàn của người dân, bổ sung vào hệ thống dự đoán tội phạm. *Ứng dụng trong thực tiễn và đề xuất, kiến nghị*: Mô hình dự đoán tội phạm có thể hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật đưa ra biện pháp phòng ngừa kịp thời nhưng cần tiếp tục cải thiện độ chính xác của mô hình bằng cách kết hợp thêm dữ liệu từ các nguồn khác như dữ liệu cảm biến, hình ảnh từ camera an ninh, đây có thể trở thành một công cụ quan trọng giúp thu thập dữ liệu cộng đồng và nâng cao nhận thức của người dân về an toàn công cộng.

Như vậy, các công trình nghiên cứu nêu trên đã làm sâu sắc về các lý thuyết và phương pháp đa ngành, liên ngành và ứng dụng công nghệ thông tin trong tội phạm học, với mục tiêu phát triển các giải pháp phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Từ các lý thuyết cơ bản của tội phạm học, đến việc áp dụng công nghệ như học máy và trí tuệ nhân tạo để phát hiện và dự đoán tội phạm, giúp làm rõ

nguyên nhân và đề ra giải pháp phòng, chống tội phạm trong xã hội hiện đại. Các công trình nêu trên nhấn mạnh tính cần thiết của một sự kết hợp giữa các ngành khoa học và công nghệ tiên tiến thông qua dữ liệu lớn và học máy kết hợp với các yếu tố xã hội, tâm lý và sinh học đóng vai trò quan trọng để phân tích tình hình tội phạm, đặc biệt là trong các nghiên cứu về tội phạm mạng, phân tích hành vi phạm tội qua mạng xã hội, cũng như việc dự đoán tình hình tội phạm trong các đô thị. Do đó, sự kết hợp giữa các lý thuyết truyền thống và các công cụ công nghệ như AI và học máy, sẽ là xu hướng phát triển của tội phạm học hiện thực. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả các chính sách và chiến lược phòng chống tội phạm trong thời gian tới. Điều này đã được chứng minh với hiệu quả mang lại trên thực tiễn rất rõ ràng, chẳng hạn như phần mềm dự báo PredPol đã được ứng dụng đầu tiên tại sở cảnh sát Los Angeles và Santa Cruz ở Mỹ. Phần mềm này có thể dự đoán nơi xảy ra các vụ phạm tội với độ chính xác 500 feet vuông. Ứng dụng phần mềm này đem lại những kết quả rõ rệt tại Los Angeles, số các vụ trộm cắp giảm 33% và tội phạm bạo lực giảm 19% ở những nơi sử dụng phần mềm. Sau khi sở cảnh sát Atlanta áp dụng PredPol cũng đem lại hiệu quả đáng kinh ngạc, tỷ lệ tội phạm giảm tới 19%. Nổi tiếp thành công của phần mềm, hiện có hơn 150 thành phố của Mỹ cũng đang áp dụng thử nghiệm và có thể được triển khai ở nhiều thành phố khác²⁰. Với những kết quả tích cực từ các mô hình và phương pháp được áp dụng, các nhà nghiên cứu tiếp tục làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa các yếu tố cá nhân, xã hội và công nghệ để thúc đẩy sự phát triển của tội phạm học liên ngành, đồng thời cung cấp các công cụ mới, tiên tiến để dự đoán và can thiệp vào các hành vi phạm tội một cách kịp thời và hiệu quả. Công trình này sẽ góp phần đáng kể vào việc xây dựng một hệ thống phòng chống tội phạm toàn diện và có tính bền vững trong xã hội hiện đại.

²⁰ Vũ, H. B. (2021). Ứng dụng Dữ liệu lớn (Big Data) trong phòng chống tội phạm. https://vienthongke.vn/ung-dung-du-lieu-lon-bigdata-trong-phong-chong-toi-pham/?utm_source.

Kết luận

Xu hướng phát triển của tội phạm học hiện thực hiện nay đang chuyển từ việc chỉ nghiên cứu các yếu tố bên ngoài (như cấu trúc xã hội, điều kiện kinh tế, chính trị) và các yếu tố bên trong cá nhân (như tâm lý học, nhân cách, rối loạn tâm lý) đến một mô hình nghiên cứu toàn diện, sâu sắc và đa chiều, kết hợp cả hai yếu tố này một cách hợp lý và khoa học, trở thành một ngành khoa học đa ngành, liên ngành. Sự kết hợp này không chỉ giúp nghiên cứu các nguyên nhân gốc rễ của tội phạm mà còn giúp phát triển các phương pháp nghiên cứu tiên tiến và hiệu quả, như học máy, phân tích dữ liệu lớn, phân tích hành vi phạm tội và công nghệ giám sát. Việc kết hợp nghiên cứu đa ngành, liên ngành trong tội phạm học hiện đại không chỉ giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu mà còn tạo ra những giải pháp thực tiễn và hiệu quả để đối phó với các vấn đề tội phạm phức tạp trong xã hội hiện đại. Cách tiếp cận này mở ra một tương lai mới cho tội phạm học, nơi sự kết hợp giữa khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và công nghệ sẽ giúp giải quyết những thách thức của xã hội với tội phạm một cách hiệu quả và bền vững. Qua đó, tội phạm học đương đại có thể cung cấp những giải pháp cụ thể và thực tế hơn nhằm phòng ngừa có hiệu quả và giảm thiểu tội phạm trong xã hội hiện đại./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alava, S., Chaouni, N., & Charles, Y. (2020). How to characterise the discourse of the far-right in digital media? Interdisciplinary approach to preventing terrorism. *Procedia Computer Science*, 176, 2515–2525. <https://doi.org/10.1016/j.procs.2020.09.324>.
- Ashraf, N., Mahmood, D., Obaidat, M. A., Ahmed, G., & Akhunzada, A. (2022). Criminal behavior identification using social media forensics. *Electronics*, 11(19), 3162. <https://doi.org/10.3390/electronics11193162>.
- Becker, G. S. (1968). Crime and punishment: An economic approach. *Journal of Political Economy*, 76(2), 169–217.
- Bourguignon, F. (2009). Crime as a social cost of poverty and inequality: A review focusing on developing countries. *Revista Desarrollo y Sociedad Universidad de los Andes, Facultad de Economía, CEDE* (63). <https://ideas.repec.org/a/col/000090/005839.html>.
- Fajnzylber, P., Lederman, D., & Loayza, N. (2002). Inequality and violent crime. *Journal of Law and Economics*, 45(1), 1–39. <https://doi.org/10.1086/338347>.
- Hare, R. D. (1999). *Without conscience: The disturbing world of the psychopaths among us*. The Guilford Press.
- Klinterberg, B. A., Almquist, Y., Beijer, U., & Rydelius, P. A. (2011). Family psychosocial characteristics influencing criminal behaviour and mortality - Possible mediating factors: A longitudinal study of male and female subjects in the Stockholm Birth Cohort. *BMC Public Health*, 11, 756. <https://doi.org/10.1186/1471-2458-11-756>.
- Kolhe, D., & Bhat, A. (2024). Crime and fraud at the community level: Social networking understanding into economic crimes and psychological motivations. *Journal of Social Sciences and Economics*, 3(2), 127-146.
- Lynch, M. J. (2013). Political economy and crime: An overview. *Journal of Crime and Justice*, 36(2), 111-124. <https://doi.org/10.1080/0735648X.2012.752250>.
- Newburn, T. (2016). Social disadvantage, crime and punishment. *London School of Economics and Political Science (LSE)*. https://eprints.lse.ac.uk/68133/1/Newburn_Social%20Disadvantage%20and%20Crime.pdf.
- Rich, M. S. (2024). *Bridging the gap: Case studies for forensic cyberpsychology in cyber threat analysis and prediction*. Capitol Technology University.
- Rich, M. S., & Aiken, M. P. (2024). An interdisciplinary approach to enhancing cyber threat prediction utilizing forensic cyberpsychology and digital forensics. *Forensic Science*, 4(1), 110–151. <https://doi.org/10.3390/forensicsci4010008>.
- Sinha, S. (2016). Personality correlates of criminals: A comparative study between normal controls and criminals. *Industrial Psychiatry Journal*, 25(1), 41–46. <https://doi.org/10.4103/0972-6748.196058>.
- Smith, T. (2024). Integrated model of cybercrime dynamics: A comprehensive framework for understanding offending and victimization in the digital realm. *International Journal of Cybersecurity Intelligence and Cybercrime*, 7(2), 54-70.
- Yanishevska, K., Kosiachenko, K., Kamyshanskyi, O., Neviadovskyi, V., & Telizhenko, L. (2023). Transdisciplinary theory of the nature of crime as an expression of a symbiotic complex approach. *Amazonia Investiga*, 12(66), 188-197. <https://doi.org/10.34069/AI/2023.66.06.18>.
- Yunus, A., & Loo, J. (2024). London street crime analysis and prediction using crowdsourced dataset. *Journal of Computational Mathematics and Data Science*, 10, 100089. <https://doi.org/10.1016/j.jcmds.2023.100089>.
- World Justice Project. (2020). *WJP Rule of Law Index 2020*. <https://worldjusticeproject.org/our-work/publications/rule-law-index-reports/wjp-rule-law-index-2020>.
- Nguyễn, D. M. (n.d.). Các yếu tố kinh tế - xã hội tác động tới tỷ lệ tội phạm: Một cách tiếp cận so sánh. https://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208703&utm_source.
- Vũ, H. B. (2021). Ứng dụng Dữ liệu lớn (Big Data) trong phòng chống tội phạm. https://vienthongke.vn/ung-dung-du-lieu-lon-bigdata-trong-phong-chong-toi-pham/?utm_source.
- Lê, M. T. (2024). Tìm hiểu các thuyết xã hội học trong lĩnh vực tội phạm học?. *Luật Minh Khuê*. <https://luatminhkhue.vn/tim-hieu-cac-thuyet-xa-hoi-hoc-trong-linh-vuc-toi-pham-hoc.aspx?utm>.